

Số: 1740/QĐ-TCMT

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường
của các trạm quan trắc môi trường quốc gia**

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Quyết định số 132/2008/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Môi trường;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Quan trắc môi trường và Vụ trưởng Vụ Chính sách và Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý số liệu quan trắc môi trường của các Trạm Quan trắc môi trường quốc gia.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Điều 3. Giám đốc Trung tâm Quan trắc môi trường, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Tổng cục Môi trường, các trạm quan trắc môi trường thuộc mạng lưới quan trắc môi trường quốc gia do Tổng cục Môi trường quản lý và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các đơn vị thực hiện quan trắc môi trường;
- Các Phó Tổng cục trưởng;
- Lưu: VT, CSPC, QTMT.

TỔNG CỤC TRƯỞNG

(Đã ký)

Bùi Cách Tuyền

QUẢN LÝ THÔNG TIN, DỮ LIỆU QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CÁC TRẠM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1740/QĐ-TCMT

ngày 22 tháng 12 năm 2011 của Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường)

QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh

2. Đối tượng áp dụng

Điều 2. Nguyên tắc quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường

1. Thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường phải đảm bảo tính trung thực, chính xác, kịp thời;

3. Thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường phải được cập nhật thông qua Phần mềm quản lý số liệu quan trắc (sau đây gọi là Phần mềm quan trắc) do Trung tâm Quan trắc môi trường thuộc Tổng cục Môi trường (sau đây gọi là Trung tâm Quan trắc môi trường) bàn giao;

1

5. Các Trạm phải giao nộp thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường cho Trung tâm Quan trắc môi trường, Tổng cục Môi trường và cơ quan quản lý trực tiếp. Khi cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc cho đơn vị, tổ chức, cơ quan không thuộc mạng lưới các trạm quan trắc môi trường quốc gia phải được Tổng cục Môi trường cho phép;

6. Việc quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường phải bảo đảm đúng quy định của Nhà nước về bảo mật trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường tại Quyết định số 212/2003/QĐ-TTg ngày 21 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 919/2003/QĐ-BCA ngày 21 tháng 11 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công an.

Điều 3. Cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường

1. Tổng cục Môi trường giao Trung tâm Quan trắc môi trường là cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường cấp quốc gia.

Cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường cấp quốc gia có trách nhiệm quản lý thống nhất thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường và hướng dẫn công tác lưu trữ, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu quan trắc trong phạm vi toàn Mạng lưới.

2. Các Trạm quan trắc môi trường có trách nhiệm quản lý, lưu trữ và cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường trong phạm vi chức năng của trạm theo hướng dẫn của Trung tâm Quan trắc môi trường, Tổng cục Môi trường và cơ quan quản lý trực tiếp.

Phần II

NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG THỨC QUẢN LÝ THÔNG TIN, DỮ LIỆU QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Điều 4. Nội dung quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường tại các Trạm

Hoạt động quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường tại các trạm bao gồm các nội dung như sau:

1. Lưu giữ, quản lý các tài liệu gốc về hoạt động quan trắc như biểu kết quả quan trắc tại hiện trường, nhật ký, biên bản lấy mẫu, phiếu kết quả phân tích của phòng thí nghiệm...;

2. Xử lý, kiểm tra tính chính xác và chất lượng của các số liệu quan trắc môi trường;

3. Nhập số liệu quan trắc môi trường sau mỗi đợt quan trắc vào Phần mềm quan trắc. Lưu ý khi nhập số liệu quan trắc môi trường vào phần mềm xem Phụ lục B;

4. Xây dựng báo cáo đột đối với các trạm nói chung và báo cáo quý đối với các trạm quan trắc mưa axit, sau đây gọi chung là “Báo cáo kết quả quan trắc môi trường đột quan trắc” (xem Phụ lục A, biểu A1 và biểu A2 kèm theo Quy định này);

5. Xây dựng "Báo cáo tổng hợp kết quả quan trắc môi trường năm" (xem tại Phụ lục A, biểu A3 và biểu A4 kèm theo Quy định này), dựa trên kết quả quan trắc của các đợt quan trắc trong năm;

6. Sử dụng bảng mã unicode, phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 14 để xây dựng báo cáo theo đợt và báo cáo năm;

7. Giao nộp báo cáo và số liệu quan trắc môi trường cho Trung tâm Quan trắc môi trường;

8. Thông báo kịp thời về Trung tâm Quan trắc môi trường khi phát hiện sai sót về số liệu đã thu thập và giao nộp; phối hợp với cơ quan quản lý cấp trên để tìm hiểu nguyên nhân, tìm hướng khắc phục.

Điều 5. Nội dung quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường cấp quốc gia

Hoạt động quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường cấp quốc gia bao gồm các nội dung như sau:

1. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thẩm định số liệu quan trắc thu thập được từ các đơn vị quản lý số liệu quan trắc cấp trạm; tìm nguyên nhân và thông báo kịp thời cho tổ chức, cá nhân tham gia chia sẻ, khai thác và sử dụng số liệu quan trắc môi trường trong trường hợp số liệu quan trắc môi trường có sai sót, không đảm bảo chất lượng;

2. Xây dựng, chuyển giao và hướng dẫn sử dụng phần mềm quan trắc cho các Trạm. Thực hiện việc nâng cấp và cập nhật phần mềm quan trắc;

3. Thống nhất quản lý số liệu và hướng dẫn nghiệp vụ về quản lý số liệu quan trắc môi trường của các Trạm, thực hiện chế độ bảo mật, chia sẻ số liệu;

4. Xây dựng, phát triển, hoàn thiện và đưa vào áp dụng quy trình quản lý chất lượng số liệu quan trắc môi trường;

5. Xây dựng các mẫu cấu trúc báo cáo, các biểu mẫu thống nhất để nhập, quản lý số liệu quan trắc, các hướng dẫn chi tiết;

6. Giám sát và hỗ trợ việc thực hiện quản lý và chia sẻ thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường tại các Trạm;

7. Tích hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường với các hệ thống thông tin môi trường của Tổng cục Môi trường và Bộ Tài nguyên và Môi trường;

8. Cung cấp dữ liệu, báo cáo quan trắc môi trường cho các cấp lãnh đạo nhằm thực hiện công tác chỉ đạo, điều hành, đôn đốc, xây dựng các chiến lược, chương trình, đề án, dự án... phục vụ công tác quản lý, bảo vệ môi trường trên phạm vi cả nước;

9. Thực hiện cung cấp, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan trong và ngoài nước, các tổ chức quốc tế trong phạm vi thẩm quyền và theo sự chỉ đạo của lãnh đạo cấp trên.

Điều 6. Sử dụng phần mềm quan trắc trong quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường

Phần mềm quan trắc được sử dụng để thực hiện các công việc sau:

1. Nhập dữ liệu quan trắc môi trường;
2. Quản lý, lưu trữ dữ liệu quan trắc môi trường;
3. Tra cứu, khai thác và tổng hợp dữ liệu quan trắc môi trường;
4. Kết xuất các biểu mẫu báo cáo được quy định tại các phụ lục của báo cáo theo đợt và báo cáo năm (phục vụ xây dựng báo cáo quan trắc đợt và báo cáo quan trắc năm);
5. Kết xuất số liệu quan trắc môi trường dưới dạng tệp dữ liệu có cấu trúc (.xml) phục vụ việc giao nộp dữ liệu.

Điều 7. Giao nộp báo cáo và số liệu quan trắc môi trường

Việc giao nộp báo cáo và số liệu quan trắc môi trường được quy định như sau:

1. Loại thông tin cần giao nộp:
 - a) Báo cáo kết quả quan trắc môi trường từng đợt và Báo cáo tổng hợp kết quả quan trắc môi trường năm.
 - b) Dữ liệu có cấu trúc (*.xml).
2. Hình thức giao nộp:
 - a) Các đơn vị quản lý dữ liệu quan trắc cấp trạm nộp báo cáo kết quả quan trắc môi trường, từng đợt và cả năm cho đơn vị quản lý dữ liệu quan trắc cấp quốc gia bằng hai dạng: báo cáo in trên giấy (mỗi báo cáo nộp hai bản in) và báo cáo lưu trong tệp (file) máy tính dạng word (*.doc);
 - b) Các đơn vị quản lý dữ liệu quan trắc cấp trạm giao nộp dữ liệu quan trắc cho đơn vị quản lý dữ liệu quan trắc cấp quốc gia bằng một trong hai hình thức sau: gửi qua thư điện tử theo địa chỉ phongdl@cem.gov.vn hoặc gửi tệp báo cáo/số liệu qua Cổng thông tin Quan trắc môi trường tại địa chỉ <http://www.quantracmoitruong.gov.vn>

3. Thời hạn giao nộp:

a) Số liệu và báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt được giao nộp 45 ngày sau khi kết thúc đợt quan trắc;

b) "Báo cáo tổng hợp kết quả quan trắc môi trường năm" của năm trước được giao nộp muộn nhất vào ngày 15 tháng 3 năm sau.

Phần III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8: Tổ chức thực hiện

1. Trung tâm Quan trắc môi trường thuộc Tổng cục Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quyết định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Tổng cục Môi trường (qua Trung tâm Quan trắc môi trường) để kịp thời giải quyết./.

TỔNG CỤC TRƯỞNG

(Đã ký)

Bùi Cách Tuyến

Phụ lục A
HƯỚNG DẪN LẬP BÁO CÁO KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG
(ĐỢT/ QUÝ QUAN TRẮC VÀ NĂM)

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1740/QĐ-TCMT
ngày 22 tháng 12 năm 2011 của Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường)*

Biểu A1. Mẫu tờ bìa và tờ lót bìa Báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt/ quý

Biểu A2. Cấu trúc mẫu Báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt/ quý

Biểu A3. Mẫu tờ bìa và tờ lót bìa Báo cáo tổng hợp kết quả quan trắc môi trường năm.

Biểu A4. Cấu trúc mẫu Báo cáo kết quả quan trắc môi trường năm

Phụ lục B

LƯU Ý KHI NHẬP SỐ LIỆU QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG VÀO PHẦN MỀM

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1740/QĐ-TCMT
ngày 22 tháng 12 năm 2011 của Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường)*

1. Cách đặt tên tệp số liệu quan trắc giao nộp Trung tâm Quan trắc môi trường

Tên của tệp số liệu quan trắc có dạng “Tentram_dot_nam.xml”, trong đó:

- Tentram: Tên của Trạm giao nộp thông tin dữ liệu (viết bằng tiếng Việt không dấu).
- Tên các tệp số liệu.
- Dot: Tên đợt quan trắc;
- Nam: Năm tiến hành quan trắc.

2. Thống nhất sử dụng ký hiệu

Thống nhất sử dụng một số ký hiệu như sau đối với các kết quả quan trắc:

Ký hiệu (trong biểu số liệu)	Ý nghĩa thực tế
2-3	Từ 2 đến 3
V	Vết
≥ 0.2	≥ 0.2
< 0.2	< 0.2
K	Không phát hiện được
Null	Không quan trắc

Lưu ý: Đối với số thập phân, dùng ký hiệu “,” để phân cách giữa phần thập phân và phần nguyên.